

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **19280/CHQ-NVTHQ**

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026

V/v thuế GTGT hàng hóa
tạm nhập tái xuất

HỎA TỐC

Kính gửi: Các Chi cục hải quan khu vực.

Cục Hải quan nhận được phản ánh của một số Chi cục Hải quan khu vực về việc thực hiện chính sách thuế GTGT hàng hóa tạm nhập tái xuất. Về vấn đề này, Cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Về thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 quy định:

“Điều 29. Tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập hàng hoá

1. Tạm nhập, tái xuất hàng hóa là việc hàng hoá được đưa từ nước ngoài hoặc từ các khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật vào Việt Nam, có làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và làm thủ tục xuất khẩu chính hàng hoá đó ra khỏi Việt Nam.”

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 quy định:

“Điều 48. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu

1. Các loại hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu bao gồm:

a) Phương tiện quay vòng để chứa hàng hóa;

b) Máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định;

c) Máy móc, thiết bị, phương tiện thi công, khuôn, mẫu theo các hợp đồng thuê, mượn để sản xuất, thi công;

d) Linh kiện, phụ tùng của chủ tàu nhập khẩu để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài;

đ) Hàng hóa tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;

e) Hàng hóa khác theo quy định của pháp luật.”

Căn cứ khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định:

“Điều 41. Các hình thức tạm nhập, tái xuất khác

1. Trừ trường hợp kinh doanh tạm nhập, tái xuất quy định tại Điều 39 của Luật này, thương nhân được tạm nhập vào Việt Nam hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa không thuộc diện tạm

ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo hợp đồng với nước ngoài để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác trong một khoảng thời gian nhất định rồi tái xuất chính hàng hóa đó ra khỏi Việt Nam.”

Căn cứ khoản 28 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung Điều 50 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ quy định:

“Điều 50. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất

1. Các trường hợp tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất bao gồm:

a) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện các dự án đầu tư, phục vụ sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm;

b) Tàu biển, tàu bay tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để sửa chữa, bảo dưỡng;

c) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam;

d) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;

đ) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp phục vụ công việc trong thời hạn nhất định;

e) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế;

g) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập khác.”

Căn cứ khoản 25 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung Điều 47 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 15 Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương quy định:

“Điều 15. Các hình thức tạm nhập, tái xuất khác

1. Trừ trường hợp hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, thương nhân được tạm nhập hàng hóa vào Việt Nam theo hợp đồng ký với nước ngoài để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác trong một khoảng thời

gian nhất định rồi tái xuất chính hàng hóa đó ra khỏi Việt Nam theo các quy định sau: ...

2. Thương nhân được tạm nhập hàng hóa mà thương nhân đã xuất khẩu để tái chế, bảo hành theo yêu cầu của thương nhân nước ngoài và tái xuất khẩu trả lại thương nhân nước ngoài. Thủ tục tạm nhập, tái xuất thực hiện tại cơ quan hải quan, không phải có Giấy phép tạm nhập, tái xuất...”.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu nhưng được tái nhập khẩu vào Việt Nam để sửa chữa, tái chế, bảo hành hoặc xử lý theo quy định pháp luật về hải quan được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Về chính sách thuế GTGT

Căn cứ Điều 3 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về đối tượng chịu thuế GTGT đối với: “Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này.”.

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 149/2025/QH15 quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với: “Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.”

Căn cứ khoản 20 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, khoản 12 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 của Chính phủ quy định hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Căn cứ Khoản 3 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định: “Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, bao gồm cả dịch vụ được các nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam cung cấp cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số”.

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với “1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu. Trong đó, các sản phẩm chỉ qua sơ chế thông thường là các sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, xay xát, xay vỡ mảnh, nghiền vỡ mảnh, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, tách hạt, tách cọng, cắt,

xay, đánh bóng hạt, hồ hạt, chia tách ra từng phần, bỏ xương, băm, lột da, nghiền, cán mỏng, ướp muối, đóng hộp kín khí, bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác và các hình thức bảo quản thông thường khác.

Trường hợp không xác định được thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm căn cứ vào quy trình sản xuất sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt do người nộp thuế cung cấp để xác định là sản phẩm chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu theo quy định của pháp luật.”.

Căn cứ quy định nêu trên, hàng hóa nhập khẩu sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng tại Việt Nam thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, trừ trường hợp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15. Đối với hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị nước ngoài trả lại:

(i) Trường hợp hàng hóa tái nhập theo hình thức tạm nhập – tái xuất đáp ứng quy định về pháp luật hải quan, pháp luật thương mại, pháp luật về quản lý ngoại thương và thuộc trường hợp quy định tại khoản 20 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, khoản 12 Điều 4 Nghị định 181/2025/NĐ-CP thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

(ii) Trường hợp hàng hóa tái nhập không thuộc trường hợp tạm nhập – tái xuất thì thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định pháp luật về thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

(iii) Đối với hàng hóa là sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường ở khâu nhập khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 149/2025/QH15 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.

Đề nghị các Chi cục Hải quan khu vực nghiên cứu quy định của pháp luật về hải quan và pháp luật về thuế GTGT để thực hiện. Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc vượt thẩm quyền, đề nghị các đơn vị tổng hợp, báo cáo Cục Hải quan để trả lời thống nhất.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT Nguyễn Thành Hưng (để b/c);
- Cục QLGCST (để biết);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính (để biết);
- Ban GSQL;
- Lưu: VT, NVTHQ.

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG BAN NGHIỆP VỤ THUẾ HC
PHÓ TRƯỞNG BAN



Đỗ Thu Hương